

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm)

Câu 1. Một đường tròn có bao nhiêu tâm đối xứng?

- A. 2. B. 0. C. 1. D. Vô số.

Câu 2. Gieo một con xúc xắc 20 lần cho kết quả như sau:

Số chấm xuất hiện	1	2	3	4	5	6
Tần số	2	3	5	?	4	3

Tần số xuất hiện của mặt 4 chấm là:

- A. 2. B. 5. C. 4. D. 3.

Câu 3. Giá trị nào dưới đây là một nghiệm của bất phương trình $3x - 12 \geq 0$?

- A. $x = 0$. B. $x = 1$. C. $x = 5$. D. $x = 3$.

Câu 4. Gieo một đồng xu cân đối và đồng chất hai lần. Ký hiệu mặt sấp là S , mặt ngửa là N . Không gian mẫu của phép thử là

- A. $\Omega = \{(S, N); (N, S)\}$. B. $\Omega = \{(S, S); (S, N); (N, S); (N, N)\}$.
C. $\Omega = \{(S, S); (S, N); (N, N)\}$. D. $\Omega = \{(S, S); (N, S); (N, N)\}$.

Câu 5. Kết quả nào sau đây không thể là kết quả của phép thử: "Bạn Hòa gieo một con xúc xắc và bạn Hằng gieo một đồng xu"?

- A. $(1, S)$. B. $(2, N)$. C. $(7, S)$. D. $(3, N)$.

Câu 6. Phương trình nào sau đây là phương trình bậc nhất hai ẩn?

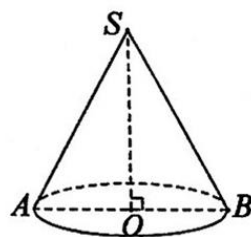
- A. $x^2 + y^2 = 3$. B. $2x - 3y = 1$. C. $x + y^2 = 1$. D. $2x^2 + 4y = 5$.

Câu 7. Trong các đa giác sau, đa giác nào là đa giác đều?

- A. Hình vuông. B. Tam giác.
C. Hình thoi. D. Hình chữ nhật.

Câu 8. Cho hình nón như hình vẽ. Đường sinh của hình nón là

- A. SO . B. OA .
C. AB . D. SA .



Câu 9. Hệ phương trình $\begin{cases} x + y = 3 \\ 2x - y = 3 \end{cases}$ có nghiệm là

- A. $(1; 2)$. B. $(0; 1)$. C. $(1; 0)$. D. $(2; 1)$.

Câu 10. Giá trị $\tan 60^\circ$ bằng

- A. $\frac{\sqrt{3}}{3}$. B. $\sqrt{3}$. C. 1. D. $\frac{\sqrt{3}}{2}$.

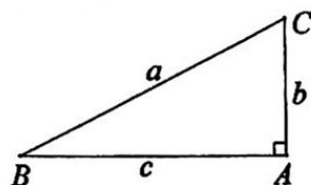
Câu 11. Cho $a > b$. Bất đẳng thức nào dưới đây đúng?

- A. $a - b > 0$. B. $a - b < 0$. C. $2a < 2b$. D. $a + 1 < b + 1$.

Câu 12. Cho tam giác ABC vuông tại A , $BC = a$, $AC = b$, $AB = c$

(hình bên). Khẳng định nào dưới đây đúng?

- A. $\sin B = \frac{b}{a}$. B. $\cos B = \frac{b}{a}$.
C. $\tan B = \frac{b}{a}$. D. $\cot B = \frac{b}{a}$.



II. PHẦN TỰ LUẬN (7,0 điểm)

Câu 1. (1,0 điểm)

1. Bằng các phép biến đổi đại số, hãy rút gọn biểu thức $A = \sqrt{12} - \sqrt{3}$.
2. Không dùng máy tính cầm tay, giải phương trình $x^2 + 3x - 4 = 0$.

Câu 2. (1,0 điểm)

Một cửa hàng ghi lại cỡ của các đôi giày đã bán trong một ngày và thu được kết quả như sau:

40	38	40	39	39	37	38	40	38	40
39	40	39	38	41	40	41	37	40	41

Hãy lập bảng tần số của dãy dữ liệu trên. Theo em, cửa hàng nên nhập về cỡ giày nào nhiều nhất để bán?

Câu 3. (1,0 điểm)

Trong hệ trục tọa độ Oxy , cho biết parabol $(P): y = ax^2$ đi qua điểm $M(1;2)$.

- a) Xác định giá trị của a .
- b) Tìm trên đồ thị (P) hai điểm $A(x_1; y_1), B(x_2; y_2)$ với $x_1 < x_2$ sao cho $x_1 + x_2 = 1$ và $y_1 + y_2 = 10$.

Câu 4. (1,0 điểm)

Một mảnh đất hình chữ nhật có diện tích $140m^2$. Nếu tăng chiều rộng thêm $3m$ và giảm chiều dài đi $6m$ thì diện tích mảnh đất không đổi. Hãy tìm chiều rộng (ban đầu) của mảnh đất đó.

Câu 5. (1,0 điểm)

An dùng một cái gàu hình trụ mức nước từ giếng đổ vào một bể hình lập phương cạnh $8dm$. Biết gàu có đường kính đáy $2dm$, chiều cao $3dm$ và ban đầu trong bể chưa có nước. Hỏi An phải múc ít nhất bao nhiêu gàu nước để đổ đầy bể?

Câu 6. (1,5 điểm)

Cho tam giác nhọn ABC ($AB > AC$) nội tiếp đường tròn (O) . Kẻ đường cao AH của tam giác ABC ($H \in BC$). Từ H kẻ HK, HI lần lượt vuông góc với AB, AC ($K \in AB, I \in AC$).

- a) Chứng minh tứ giác $AKHI$ nội tiếp.
- b) Kẻ đường kính AD của (O) , gọi M là giao điểm của AD với IK . Chứng minh rằng $\widehat{AHM} = \widehat{ADH}$.

Câu 7. (0,5 điểm)

Chọn ngẫu nhiên một số nguyên dương không lớn hơn 400. Tính xác suất để số được chọn là bội của 2 hoặc 3.

———— HẾT ————

Họ và tên thí sinh:.....Số báo danh:.....



ĐỀ TUYỂN SINH VÀO LỚP 10
NĂM HỌC: 2025 – 2026
MÔN THI: TOÁN

QUẢNG TRỊ

Thời gian làm bài: 120 phút (không kể thời gian phát đề)

I. Trắc nghiệm (3 điểm)

Câu 1. Phương trình nào sau đây là phương trình bậc nhất hai ẩn?

- A. $2x - 3y = 1$. B. $x^2 + y^2 = 3$. C. $x + y^2 = 1$. D. $2x^2 + 4y = 5$.

Câu 2. Giá trị $\tan 60^\circ$ bằng

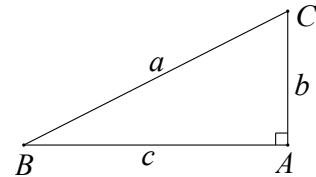
- A. $\sqrt{3}$. B. $\frac{\sqrt{3}}{3}$. C. 1. D. $\frac{\sqrt{3}}{2}$.

Câu 3. Giá trị nào dưới đây là một nghiệm của bất phương trình $3x - 12 \geq 0$?

- A. $x = 0$. B. $x = 1$. C. $x = 3$. D. $x = 5$.

Câu 4. Cho tam giác ABC vuông tại A , $BC = a$, $AC = b$, $AB = c$
(Tham khảo hình bên). Khẳng định nào dưới đây **đúng**?

- A. $\cos B = \frac{b}{a}$. B. $\sin B = \frac{b}{a}$.
C. $\tan B = \frac{b}{a}$. D. $\cot B = \frac{b}{a}$.



Câu 5. Một đường tròn có bao nhiêu tâm đối xứng?

- A. 2. B. 0. C. 1. D. Vô số.

Câu 6. Gieo một con xúc xắc 20 lần cho kết quả như sau:

Số chấm xuất hiện	1	2	3	4	5	6
Tần số	2	3	5	?	4	3

Tần số xuất hiện của mặt 4 chấm là:

- A. 2. B. 5. C. 4. D. 3.

Câu 7. Hệ phương trình $\begin{cases} x + y = 3 \\ 2x - y = 3 \end{cases}$ có nghiệm là

- A. $(1; 2)$. B. $(0; 1)$. C. $(2; 1)$. D. $(1; 0)$.

Câu 8. Gieo một đồng xu cân đối và đồng chất hai lần. Kí hiệu mặt sấp là S , mặt ngửa là N . Không gian mẫu của phép thử là

- A. $\Omega = \{(S, S); (S, N); (N, S); (N, N)\}$. B. $\Omega = \{(S, N); (N, S)\}$.
C. $\Omega = \{(S, S); (S, N); (N, N)\}$. D. $\Omega = \{(S, S); (N, S); (N, N)\}$.

Câu 9. Kết quả nào sau đây **không thể** là kết quả của phép thử: “Bạn Hòa gieo một con xúc xắc và bạn Hằng gieo một đồng xu”?

- A. $(1, S)$. B. $(2, N)$. C. $(3, N)$. D. $(7, S)$.

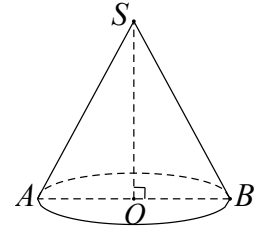


Câu 10. Trong các đa giác sau, đa giác nào là đa giác đều?

- A. Tam giác. B. Hình vuông.
C. Hình thoi. D. Hình chữ nhật.

Câu 11. Cho hình nón như hình vẽ bên. Đường sinh của hình nón là

- A. SO . B. OA .
C. SA . D. AB .



Câu 12. Cho $a > b$. Bất đẳng thức nào dưới đây **đúng**?

- A. $a - b < 0$. B. $a - b > 0$. C. $2a < 2b$. D. $a + 1 < b + 1$.

II. Tự luận (3 điểm)

Câu 1. (1,0 điểm)

- Bằng các phép biến đổi đại số, hãy rút gọn biểu thức $A = \sqrt{12} - \sqrt{3}$.
- Không dùng máy tính cầm tay, giải phương trình $x^2 + 3x - 4 = 0$.

Câu 2. (1,0 điểm)

Một cửa hàng ghi lại cỡ của các đôi giày đã bán trong một ngày và thu được kết quả như sau:

40 38 40 39 39 37 38 40 38 40
39 40 39 38 41 40 41 37 40 41

Hãy lập bảng tần số của dãy dữ liệu trên. Theo em, cửa hàng nên nhập về cỡ giày nào nhiều nhất để bán?

Câu 3. (1,0 điểm)

Trong hệ trục tọa độ Oxy , cho biết parabol $(P): y = ax^2$ đi qua điểm $M(1; 2)$.

- Xác định giá trị của a .
- Tìm trên đồ thị (P) hai điểm $A(x_1; y_1), B(x_2; y_2)$ với $x_1 < x_2$ sao cho $x_1 + x_2 = 1$ và $y_1 + y_2 = 10$.

Câu 4. (1,0 điểm)

Một mảnh đất hình chữ nhật có diện tích $140m^2$. Nếu tăng chiều rộng thêm $3m$ và giảm chiều dài đi $6m$ thì diện tích mảnh đất không đổi. Hãy tìm chiều rộng (ban đầu) của mảnh đất đó.

Câu 5. (1,0 điểm)

An dùng một cái gàu hình trụ mức nước từ giếng đổ vào một bể hình lập phương cạnh $8dm$. Biết gàu có đường kính đáy $2dm$, chiều cao $3dm$ và ban đầu trong bể chưa có nước. Hỏi An phải múc ít nhất bao nhiêu gàu nước để đổ đầy bể?

Câu 6. (1,5 điểm)

Cho tam giác nhọn ABC ($AB > AC$) nội tiếp đường tròn (O) . Kẻ đường cao AH của tam giác ABC ($H \in BC$). Từ H kẻ HK, HI lần lượt vuông góc với AB, AC ($K \in AB, I \in AC$).

- Chứng minh tứ giác $AKHI$ nội tiếp.
- Kẻ đường kính AD của (O) , gọi M là giao điểm của AD với IK .

Chứng minh $\widehat{AHM} = \widehat{ADH}$.

Câu 7. (0,5 điểm)

Chọn ngẫu nhiên một số nguyên dương không lớn hơn 400. Tính xác suất để số được chọn là bội của 2 hoặc 3.

----- HẾT -----

Họ và tên thí sinh:.....Số báo danh:.....



HƯỚNG DẪN GIẢI

I. Trắc nghiệm (3 điểm)

1.A	2.A	3.D	4.B	5.D	6.D	7.C	8.A	9.D	10.B	11.C	12.B
-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	------	------	------

Câu 1: Phương trình nào sau đây là phương trình bậc nhất hai ẩn?

- A. $2x - 3y = 1$. **B.** $x^2 + y^2 = 3$. **C.** $x + y^2 = 1$. **D.** $2x^2 + 4y = 5$.

Câu 2: Giá trị $\tan 60^\circ$ bằng

- A. $\sqrt{3}$. **B.** $\frac{\sqrt{3}}{3}$. **C.** 1. **D.** $\frac{\sqrt{3}}{2}$.

Câu 3: Giá trị nào dưới đây là một nghiệm của bất phương trình $3x - 12 \geq 0$?

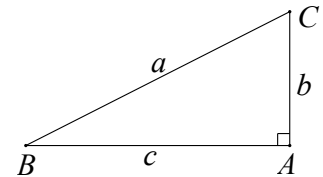
- A.** $x = 0$. **B.** $x = 1$. **C.** $x = 3$. D. $x = 5$.

Câu 4: Cho tam giác ABC vuông tại

A , $BC = a$, $AC = b$, $AB = c$

(Tham khảo hình bên). Khẳng định nào dưới đây

- A.** $\cos B = \frac{b}{a}$. B. $\sin B = \frac{b}{a}$.
C. $\tan B = \frac{b}{a}$. **D.** $\cot B = \frac{b}{a}$.



đúng?

Câu 5: Một đường tròn có bao nhiêu tâm đối xứng?

- A.** 2. **B.** 0. **C.** 1. D. Vô số.

Câu 6: Gieo một con xúc xắc 20 lần cho kết quả như sau:

Số chấm xuất hiện	1	2	3	4	5	6
Tần số	2	3	5	?	4	3

Tần số xuất hiện của mặt 4 chấm là:

- A.** 2. **B.** 5. **C.** 4. D. 3.

Câu 7: Hệ phương trình $\begin{cases} x + y = 3 \\ 2x - y = 3 \end{cases}$ có nghiệm là

- A.** (1; 2). **B.** (0; 1). C. (2; 1). **D.** (1; 0).

Câu 8: Gieo một đồng xu cân đối và đồng chất hai lần. Ký hiệu mặt sấp là S , mặt ngửa là N . Không gian mẫu của phép thử là

- A. $\Omega = \{(S, S); (S, N); (N, S); (N, N)\}$. **B.** $\Omega = \{(S, N); (N, S)\}$.
C. $\Omega = \{(S, S); (S, N); (N, N)\}$. **D.** $\Omega = \{(S, S); (N, S); (N, N)\}$.

Câu 9: Kết quả nào sau đây **không thể** là kết quả của phép thử: “Bạn Hòa gieo một con xúc xắc và bạn Hằng gieo một đồng xu”?

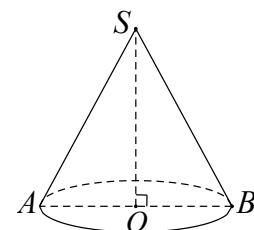
- A.** (1, S). **B.** (2, N). **C.** (3, N). D. (7, S).

Câu 10: Trong các đa giác sau, đa giác nào là đa giác đều?

- A.** Tam giác. B. Hình vuông.
C. Hình thoi. **D.** Hình chữ nhật.

Câu 11: Cho hình nón như hình vẽ bên. Đường sinh của hình

- A.** SO . **B.** OA .
C. SA . **D.** AB .



nón là

Câu 12: Cho $a > b$. Bất đẳng thức nào dưới đây **đúng**?

- A.** $a - b < 0$. B. $a - b > 0$. **C.** $2a < 2b$. **D.** $a + 1 < b + 1$.

II. Tự luận (7 điểm)

Câu 1. (1,0 điểm)



1. Bằng các phép biến đổi đại số, hãy rút gọn biểu thức $A = \sqrt{12} - \sqrt{3}$.
2. Không dùng máy tính cầm tay, giải phương trình $x^2 + 3x - 4 = 0$.

Lời giải

1. Bằng các phép biến đổi đại số, hãy rút gọn biểu thức $A = \sqrt{12} - \sqrt{3}$.

$$A = \sqrt{12} - \sqrt{3} \quad A = \sqrt{4 \cdot 3} - \sqrt{3} \quad A = 2\sqrt{3} - \sqrt{3} \quad A = \sqrt{3}$$

Vậy $A = \sqrt{3}$

2. Không dùng máy tính cầm tay, giải phương trình $x^2 + 3x - 4 = 0$.

Ta có $a + b + c = 1 + 3 + (-4) = 0$ nên phương trình có hai nghiệm $x = 1$ và $x = -4$

Vậy phương trình có nghiệm là $x = 1$ và $x = -4$

Câu 2. (1,0 điểm)

Một cửa hàng ghi lại cỡ của các đôi giày đã bán trong một ngày và thu được kết quả như sau:

40	38	40	39	39	37	38	40	38	40
39	40	39	38	41	40	41	37	40	41

Hãy lập bảng tần số của dãy dữ liệu trên. Theo em, cửa hàng nên nhập về cỡ giày nào nhiều nhất để bán?

Lời giải

Vì tần số của cỡ giày 40 là lớn nhất (7) nên cửa hàng nên nhập về cỡ giày 40 nhiều nhất để bán.

Câu 3. (1,0 điểm)

Trong hệ trục tọa độ Oxy , cho biết parabol $(P): y = ax^2$ đi qua điểm $M(1;2)$.

a) Xác định giá trị của a .

b) Tìm trên đồ thị (P) hai điểm $A(x_1; y_1), B(x_2; y_2)$ với $x_1 < x_2$ sao cho $x_1 + x_2 = 1$ và $y_1 + y_2 = 10$.

Lời giải

a) Thay tọa độ điểm $M(1;2)$ vào (P) , ta được: $2 = a \cdot 1^2$ suy ra: $a = 2$

Vậy $a = 2$.

b) Vì A và B thuộc (P) nên $y_1 = 2x_1^2; y_2 = 2x_2^2$.

Mà $y_1 + y_2 = 10$ nên ta có: $2x_1^2 + 2x_2^2 = 10$.

$$2x_1^2 + 4x_1x_2 + 2x_2^2 - 4x_1x_2 = 10$$

$$2(x_1 + x_2)^2 - 4x_1x_2 = 10$$

Thay $x_1 + x_2 = 1$ vào, ta được:

$$2 \cdot 1^2 - 4x_1x_2 = 10$$

$$4x_1x_2 = 2 - 10$$

$$4x_1x_2 = -8$$

$$x_1x_2 = -2$$

Vì $x_1 + x_2 = 1$ và $x_1x_2 = -2$ có $1^2 > 4 \cdot (-2)$ nên $x_1; x_2$ là nghiệm của phương trình $x^2 - x - 2 = 0$.

Ta có $a - b + c = 1 - (-1) + (-2) = 0$ nên phương trình $x^2 - x - 2 = 0$ có hai nghiệm $x = -1$ và

$x = 2$

Vì $x_1 < x_2$ nên $x_1 = -1; x_2 = 2$

Suy ra $y_1 = 2 \cdot (-1)^2 = 2; y_2 = 2 \cdot 2^2 = 8$



Vậy $A(-1;2), B(2;8)$.

Câu 4. (1,0 điểm)

Một mảnh đất hình chữ nhật có diện tích $140m^2$. Nếu tăng chiều rộng thêm $3m$ và giảm chiều dài đi $6m$ thì diện tích mảnh đất không đổi. Hãy tìm chiều rộng (ban đầu) của mảnh đất đó.

Lời giải

Gọi chiều rộng ban đầu của mảnh đất đó là $x(m, x > 0)$

Khi đó chiều dài ban đầu của mảnh đất đó là: $\frac{140}{x}$ (m)

Chiều rộng khi tăng thêm $3m$ là: $x+3$ (m)

Chiều dài khi giảm đi $6m$ là: $\frac{140}{x}-6$ (m)

Vì nếu tăng chiều rộng thêm $3m$ và giảm chiều dài đi $6m$ thì diện tích mảnh đất không đổi nên ta có phương trình:

$$(x+3)\left(\frac{140}{x}-6\right)=140$$

$$(x+3)\left(\frac{140-6x}{x}\right)=140$$

$$(x+3)(140-6x)=140x$$

$$140x-6x^2+420-18x=140x$$

$$-6x^2-18x+420=0$$

Giải phương trình trên ta được $x=7$ (tm) và $x=-10$ (ktm)

Vậy chiều rộng ban đầu của mảnh đất đó là $7m$.

Câu 5. (1,0 điểm)

An dùng một cái gàu hình trụ mức nước từ giếng đổ vào một bể hình lập phương cạnh $8dm$. Biết gàu có đường kính đáy $2dm$, chiều cao $3dm$ và ban đầu trong bể chưa có nước. Hỏi An phải múc ít nhất bao nhiêu gàu nước để đổ đầy bể?

Lời giải

Thể tích của bể hình lập phương là: $V_1=8^3=512dm^3$

Thể tích của gàu hình trụ là $V_2=\pi r^2 h \approx 3,14 \cdot \left(\frac{2}{2}\right)^2 \cdot 3=9,42dm^3$

Số gàu cần để mức nước để đầy bể là $\frac{V_1}{V_2}=\frac{512}{9,42} \approx 54,35$ (gàu)

Vậy phải múc ít nhất 55 gàu nước để đổ đầy bể.

Câu 6. (1,5 điểm)

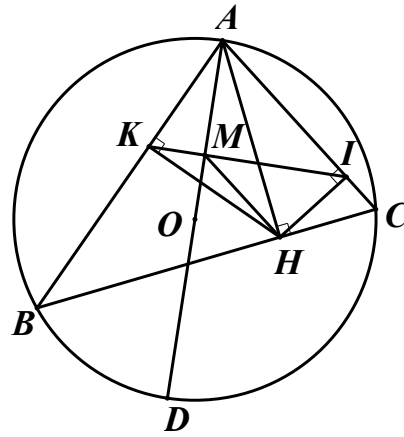
Cho tam giác nhọn ABC ($AB > AC$) nội tiếp đường tròn (O) . Kẻ đường cao AH của tam giác ABC ($H \in BC$). Từ H kẻ HK, HI lần lượt vuông góc với AB, AC ($K \in AB, I \in AC$).

a) Chứng minh tứ giác $AKHI$ nội tiếp.

b) Kẻ đường kính AD của (O) , gọi M là giao điểm của AD với IK .

Chứng minh $\widehat{AHM} = \widehat{ADH}$.

Lời giải



a) Do $HK \perp AB$ nên $\triangle AHK$ vuông tại K nên A, H, K cùng thuộc đường tròn đường kính AH .

$HI \perp AC$ nên $\triangle AHI$ vuông tại I nên A, H, I cùng thuộc đường tròn đường kính AH Suy ra A, H, K, I cùng thuộc đường tròn đường kính AH hay tứ giác $AKHI$ nội tiếp.

b) Xét $\triangle AHI$ và $\triangle ACH$ có $\angle HAC$ chung và $\angle AIH = \angle AHC (= 90^\circ)$

Suy ra $\triangle AHI \sim \triangle ACH$ (g.g) nên $\frac{AH}{AC} = \frac{AI}{AH}$ hay $AH^2 = AI \cdot AC$

Tương tự $\triangle AHK \sim \triangle ABH$ (g.g) nên $\frac{AH}{AB} = \frac{AK}{AH}$ hay $AH^2 = AB \cdot AK$

Suy ra $AI \cdot AC = AK \cdot AB$ hay $\frac{AI}{AB} = \frac{AK}{AC}$

Kết hợp với $\angle BAC$ chung nên suy ra $\triangle AKI \sim \triangle ACB$ (c.g.c)

Suy ra $\angle AIK = \angle ABC$ (cặp góc tương ứng)

Ta có $\angle AIM + \angle IAM = \angle ABC + \angle CAD = \angle ABC + \angle CBD = \angle ABD = 90^\circ$ (do chắn đường kính AD)

Suy ra $\triangle AMI$ vuông tại M .

Xét $\triangle AMK$ và $\triangle ABD$ có $\angle DAB$ chung và $\angle AMK = \angle ABD (= 90^\circ)$

Suy ra $\triangle AMK \sim \triangle ABD$ (g.g) suy ra $\frac{AM}{AB} = \frac{AK}{AD}$ hay $AM \cdot AD = AK \cdot AB$

Mà $AH^2 = AB \cdot AK$ nên $AM \cdot AD = AH^2$ hay $\frac{AM}{AH} = \frac{AH}{AD}$

Kết hợp $\angle HAD$ chung suy ra $\triangle AMH \sim \triangle AHD$ (c.g.c)

Vậy $\angle AHM = \angle ADH$ (hai góc tương ứng) (đpcm)

Câu 7. (0,5 điểm)

Chọn ngẫu nhiên một số nguyên dương không lớn hơn 400. Tính xác suất để số được chọn là bội của 2 hoặc 3.

Lời giải

Chọn 1 số nguyên dương không lớn hơn 400 tức là chọn 1 số trong các số $1, 2, 3, \dots, 400$

Số phần tử của không gian mẫu: $n(\Omega) = 400$

Gọi A là biến cố chọn được 1 số là bội của 2 hoặc 3. Khi đó ta có thể chọn được 1 số hoặc chia hết cho 2 hoặc chia hết cho 3 hoặc chia hết cho cả 2 và 3

TH1: Các số chia hết cho 2 gồm $2, 4, 6, \dots, 400$ có $\frac{400-2}{2} + 1 = 200$ (số)



TH2: Các số chia hết cho 3 gồm $3, 6, 9, \dots, 399$ có $\frac{399-3}{3}+1=133$ (số)

TH3: Các số chia hết cho cả 2 và 3 gồm $6, 12, 18, \dots, 396$ có $\frac{396-6}{6}+1=66$ (số)

Vậy tập các số hoặc chia hết cho 2 hoặc chia hết cho 3 hoặc chia hết cho cả 2 và 3 có tất cả $200+133-66=267$ số hay $n(A)=267$

Vậy xác suất để chọn được 1 số là bội của 2 hoặc 3 là $P=\frac{n(A)}{n(\Omega)}=\frac{267}{400}$.

---HẾT---